

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T3 H3
THÀNH PHỐ H N1**

**CỘNG H. XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **01/0.1/HS-ST**

Ngày: .0-01-.0.1

NHÂN DAN

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà D Thị Vân A

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thục Lương

.. Bà D Thị H L

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng H - Thư ký Tòa án nhân dân quận T3 H3.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T3 H3 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tiến Viết - Kiểm sát viên.

Ngày .0 tháng 01 năm .0.1 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T3 H3, THnh phố H N1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/0.1/HSST ngày 04/01/0.1 T1o Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/0.1/QĐXXST-HS ngày 05/01/0.1 đối với bị cáo:

Đặng Văn K (tên gọi khác Ngô Xuân K), sinh năm 1975 tại Y B; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố H T (tổ 39 cũ), phường H H, tHnh phố Y B, tỉnh Y B; Chỗ ở: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/1.; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con Đặng Văn H1 (đã chết) và bà H3 Thị T1 (đã chết); Vợ: Lê Thị Thu Nga (chưa đăng ký kết hôn); Có 0. con, lớn sinh năm .010, nhỏ sinh năm .01.; Gia đình có 03 A chị em, bị cáo là con thứ ba: Tiền án, tiền sự: Không. *Nhân thân:* Có 01 tiền án đã được xóa án tích: Bản án số .87/006/HSST ngày 18/8/006 của Tòa án nhân dân (TAND) quận Hoàn Kiếm xử pHT 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp Hnh xong hình pHT tù ngày 10/7/008; Có 0. tiền sự đã hết thời hiệu: Tháng 8/001, Cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm lao động xã hội số 1, thời Hn 1. tháng; Năm .003 đi tập trung cải tạo thời Hn 1. tháng. Bị cáo đầu thú, tạm giữ ngày .8/10/0.0 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an TP H N1, có mặt.

Bị Hi: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; HKTT: Khu 11, xã Đ T., huyện H H., tỉnh P T; Chỗ ở: Hẻm 46, ngách 3./15 An D, phường Y Phụ, quận T3 H3, H N1, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T1o các tài liệu có trong H3 sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N1 dung vụ án được tóm tắt như sau: Đặng Văn K là Hng xóm, sống gần nH chị Nguyễn Thị L tại hẻm 46 ngách 3./15 An D, phường Y Phụ, quận T3 H3, H N1. Khoảng .. giờ 30 Pt ngày .5/10/0.0 K quan sát thấy trong sân nH chị L có để 01 chiếc xe máy điện BKS .9MĐ1-61319 nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. Khoảng 0. giờ ngày .6/10/0.0, K đi đến nH Nguyễn A T1 (sinh năm 1980, HKTT: số 7 tổ 51B An D, phường Y Phụ, quận T3 H3, H N1; Chỗ ở: số 7 hẻm .3 ngách 3./1. An D, phường Y Phụ, quận T3 H3) rủ T1 đi trộm cắp chiếc xe của chị L, T1 đồng ý.

Khoảng 03 giờ ngày .6/10/.0.0 K và T1 đi đến hẻm 46 ngách 3./15 An D, phường Y Phụ, đến gần nH chị L, K ở ngoài cánh giới còn T1 đi vào nH chị L trộm cắp chiếc xe, khoảng 15 Pt sau, T1 dắt chiếc xe của chị L ra. Do không có chìa khoá xe nên K và T1 đẩy xe về chỗ ở của T1 rồi tháo ổ khoá điện của chiếc xe ra, đầu nối dây điện để có thể khởi động được xe. K và T1 bàn với nhau để xe ở nH T1 rồi tìm người mua, bán lấy tiền chia nhau. Sau đó K đi bộ về nH, trên đường đi K vứt ổ khoá điện của xe máy đi. Đến chiều ngày .6/10/.0.0, K mua một lọ sơn màu xA đi sang nH T1, dùng sơn làm thay đổi màu của phần ốp mặt nạ phía trước, phần phía dưới hai bên cánh yếm và một phần Y của chiếc xe đã trộm cắp được.

Ngày .7/10/.0.0 chị L đã đến Công an phường Y Phụ trình báo về việc bị mất xe. Đến 17 giờ ngày .7/10/.0.0, Đặng Văn K đã đi sang nH Nguyễn A T1 lấy chiếc xe máy điện trên rồi đi đến Công an phường Y Phụ đầu thú và khai báo Hnh vi pHm tội của mình. Cơ quan điều tra (CQĐT) đã tạm giữ của K: 01 xe máy điện BKS: .9MĐ1-61319 có số khung(SK) 00141, số máy (SM): 170600374 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Tại kết luận định giá số .0. ngày 30/10/.0.0 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, UBND quận T3 H3 xác định: Chiếc xe máy điện K chiếm đoạt có trị giá 8.000.000đ (tám triệu đồng). Qua tra cứu xác định xe máy điện BKS: .9MĐ1-61319 đứng tên đăng ký là bà Bùi Thị Diễm (SN 1950, HKTT: số 19 ngách 3./15 An D, phường Y Phụ, quận T3 H3, H N1), SK, SM là nguY thủy, xe không có trong dữ liệu vật chứng. Bà Diễm khai: Bà mua và đăng ký chiếc xe trên, đầu năm .018 bà đã bán cho chị Nguyễn Thị L. Ngày .3/1./0.0 CQCSĐT đã xử lý vật chứng trả chiếc xe trên cho chị L, chị L đã nhận lại xe và không có đề nghị gì.

Kiểm tra điện thoại thu giữ của K không có N1 dung liên quan đến vụ án.

CQCSĐT đã rà soát đoạn đường trong ngách 3./1. An D, phường Y Phụ, quận T3 H3 nH1 không thu giữ được chiếc ổ khoá xe mà K đã vứt đi, đã thu giữ được hình ảnh camera tại nH A Trần Văn Nam (SN 1991, ở cuối hẻm 46 ngách 3./15 An D) ghi lại hình ảnh 0. đối tượng nam đi đến nH chị L dắt chiếc xe từ trong nH chị L ra. Cho K quan sát hình ảnh camera đã thu giữ, K khẳng định người dắt xe máy từ trong nH chị L ra là K và T1. Cho bà Nguyễn Thị Điều (mẹ của T1) và chị Nguyễn Thị Ngọc Hương (vợ của T1) quan sát hình ảnh camera, bà Điều, chị Hương không khẳng định được người dắt chiếc xe máy điện là Nguyễn A T1. CQĐT đã thu nguồn ảnh của Nguyễn A T1 từ Công an phường Y Phụ và cho K nhận dạng, K xác định người trong ảnh là Nguyễn A T1. CQĐT đã nhiều lần triệu tập T1 lên để làm việc, tuy nhiên T1 không có mặt, qua xác minh, xác định T1 không có ở nH, hiện đi đâu, làm gì không ai biết. CQCSĐT Công an quận T3 H3 đã tiến Hnh Thông báo truy tìm và ra Quyết định tách vụ án đối với Nguyễn A T1 để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày .8/1./0.0 VKSND quận T3 H3 đã truy tố Đặng Văn K, về tội “Trộm cắp tài sản” T1o khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện VKSND quận T3 H3 luận tội: Sau khi phân tích N1 dung vụ án, giữ nguY quyết định truy tố, kết luận Đặng Văn K, pHm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản . Điều 51, Điều 38, 47 BLHS. Xử pHt bị cáo từ 1. đến 18 tháng tù. Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động; Bị cáo phải nộp án phí, bị cáo, bị Hi có quyền kháng cáo bản án T1o quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo biết việc bị cáo trộm cắp tài sản của chị L là sai, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình pHt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N1 dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H3 sơ vụ án, đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của CQĐT công an quận T3 H3, Điều tra viên, VKSND quận T3 H3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định của cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Do đó các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[.] Về N1 dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT, phù hợp với các tài liệu khác có trong H3 sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày .6/10/.0.0 tại hẻm 46 ngách 3./15 An D, phường Y Phụ, quận T3 H3, TP H N1, Đặng Văn K đã có Hình vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L chiếc xe máy điện BKS .9MĐ1-61319 có giá trị 8.000.000đồng. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận T3 H3 đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng.

Hình vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Căn cứ tính chất Hình vi phạm tội của bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: HĐXX xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu: Có 01 tiền án đã được xóa án tích: Bản án số .87/.006/HSST ngày 18/8/.006 TAND quận Hoàn Kiếm xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp Hình xong hình phạt tù ngày 10/7/.008; Có 0. tiền sự đã hết thời hiệu: Tháng 8/.001, Cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm lao động xã hội số 1, thời hạn 1. tháng; Năm .003 đi tập trung cải tạo, thời hạn 1. tháng.

Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã thu H3i được trả lại cho bị Hi, quá trình điều tra bị cáo đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự T1o điểm s khoản 1, khoản . Điều 51 BLHS. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Bị Hi đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xét. Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động Nokia đã qua sử dụng.

Bị cáo phải nộp .00.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị Hi có quyền kháng cáo bản án T1o luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

TuY bố bị cáo Đặng Văn K (tên gọi khác Ngô Xuân K) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản . Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm .015; Các Điều 106, 331, 333, 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm .015; Nghị quyết số 3.6/.016/UBTVQH14 ngày 30/1./.016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn K (tên gọi khác Ngô Xuân K) 1. (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày .8/10/.0.0.

Xử lý vật chứng (*hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi Hình án dân sự quận T3 H3: Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/1./.0.0*):

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng.

Bị cáo phải nộp .00.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong Hn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Bị Hi có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong Hn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết T1o quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận T3 H3;
- CCTHADS quận T3 H3;
- CA quận T3 H3;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

D Thị Vân A

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

